

KẾ HOẠCH**Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Lai Châu**

Thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng ban hành kèm theo Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng của Ban Bí thư Trung ương. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, của đội ngũ cán bộ, đảng viên về chuyển đổi số; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo trong toàn Đảng bộ, đảm bảo thống nhất, toàn diện trong tất cả các lĩnh vực công tác đảng và phù hợp với tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị.

2. Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, an toàn và đồng bộ trong các cơ quan đảng; tận dụng tối đa hạ tầng thông tin đã được đầu tư trong giai đoạn trước còn phù hợp, đầu tư, xây dựng và đưa vào khai thác hiệu quả, tránh chồng chéo, dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong chuyển đổi số. Người đứng đầu cấp ủy đảng các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong các tổ chức đảng; các tổ chức đảng, đảng viên đi đầu, gương mẫu trong chuyển đổi số. Tập trung đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ có kỹ năng, kiến thức về công nghệ số, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

II- NỘI DUNG**1. Mục tiêu tổng quát**

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phong cách công tác, lề lối làm

việc và nâng cao hiệu quả, giảm thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng. Tiếp nhận, triển khai các hệ thống thông tin, dữ liệu theo kiến trúc thống nhất; ứng dụng công nghệ số đổi mới quy trình nghiệp vụ; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật và xác thực thông tin theo quy định của pháp luật; phù hợp với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 27/02/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể đối với chuyển đổi số trong các cơ quan đảng giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030:

2.1. Đối với hạ tầng số:

a) Năm 2025

(1) 60% các cơ quan đảng cấp tỉnh, 40% cơ quan đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

(2) Đường truyền kết nối của các cơ quan đảng tỉnh thông suốt từ Trung ương tới cơ sở, bảo đảm băng thông đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; kết nối internet có kiểm soát.

(3) 100% cán bộ trong các cơ quan đảng có thẩm quyền ký văn bản được trang bị chữ ký số theo quy định.

b) Năm 2026

(4) Kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng với băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối các cơ quan đảng từ Trung ương tới cấp xã; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; kết nối Internet có kiểm soát.

(5) 80% cơ quan đảng cấp tỉnh, 60% cơ quan đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

(6) 100% cán bộ trong các cơ quan đảng có trách nhiệm xử lý văn bản trên mạng được trang bị chữ ký số theo quy định.

c) Năm 2027

(7) Bảo đảm hạ tầng kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng hiện đại, đồng bộ để triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ cho các cơ quan đảng với hiệu suất tính toán cao, cho phép xử lý và phân tích dữ liệu lớn một cách hiệu quả với băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối các cơ quan đảng từ Trung ương tới cấp xã; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; kết nối Internet có kiểm soát.

(8) 100% cơ quan đảng cấp tỉnh, 80% cơ quan đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

d) Năm 2028

(9) 100% cơ quan đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2.2. Đối với ứng dụng số:

(1) Quý I/2025: Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số phục vụ đại hội đảng các cấp.

(2) Từ năm 2026 - 2028: Hằng năm, tiếp nhận và triển khai nền tảng, các ứng dụng số sử dụng trong cơ quan đảng do Trung ương chuyển giao.

(3) Hết năm 2025, có từ 60% trở lên đảng ủy xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

(4) Đến năm 2030, có từ 90% trở lên đảng ủy xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

2.3. Đối với dữ liệu số:

2.3.1. Đối với dữ liệu được hình thành từ trước năm 2025

(1) Năm 2025: Số hóa văn bản, tài liệu giai đoạn 2015 - 2025 của các cơ quan đảng tỉnh; hoàn thành số hóa văn bản, tài liệu của các huyện ủy, thành ủy.

(2) Năm 2026, số hoá văn bản, tài liệu của các cơ quan đảng từ năm 2015 trở về trước.

2.3.2. Đối với dữ liệu được hình thành từ năm 2025 trở đi

a) Năm 2025

(1) 40% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

(2) 100% người sử dụng truy cập vào hệ sinh thái các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Đảng có định danh số và xác thực tập trung, thống nhất.

(3) 40% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

(4) 30% các vụ việc, khiếu nại, tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, đảng viên được quản lý trên môi trường số.

(5) 100% các yêu cầu thông tin, số liệu phục vụ công tác tham mưu, thẩm định được thực hiện tổng hợp, phân tích và khai thác qua môi trường số.

(6) 100% văn bản không mật được ký số, gửi, nhận, xử lý trên môi trường số và có thể xử lý trên thiết bị di động, mọi lúc, mọi nơi.

b) Năm 2026

(7) 70% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

(8) 70% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

(9) 100% nội dung công tác tuyên giáo và dân vận được thực hiện trên môi trường số; thông tin, dữ liệu, văn bản về các lĩnh vực trong công tác tuyên giáo được cung cấp chính thức, kịp thời.

(10) 100% thông tin tuyên truyền đối ngoại được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

(11) 70% các vụ việc, khiếu nại, tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, đảng viên được quản lý trên môi trường số.

(12) 100% đơn, thư, khiếu nại, tố cáo được thực hiện trên môi trường số.

(13) 100% công tác tổng hợp, báo cáo được thực hiện trên môi trường số.

(14) 100% hồ sơ, tài liệu không mật, hướng tới tất cả các tài liệu mật, tối mật của Đảng được số hoá và quản lý, sử dụng trên môi trường số.

c) Năm 2027

(15) 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

(16) 100% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

(17) 100% thông tin chung về công tác tuyên giáo và dân vận được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

(18) 100% hệ thống thông tin trên toàn hệ thống phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị của Đảng được tiếp nhận, cập nhật dữ liệu thường xuyên và có thể kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

(19) 100% các vụ việc, khiếu nại, tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, đảng viên được quản lý trên môi trường số.

(20) 100% thông tin về sức khỏe của cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được số hoá và quản lý, sử dụng trên môi trường số.

d. Năm 2030:

(21) Có từ 85% trở lên dữ liệu của các cơ quan đảng được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

2.4. Công tác nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trong các cơ quan đảng được triển khai trên môi trường số.

a) Năm 2025

(1) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng.

b) Năm 2026

(2) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tham mưu tổng hợp, thẩm định, hoạch định chính sách.

(3) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng.

(4) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong tham mưu, tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ của công tác văn phòng.

(5) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận.

(6) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

c) Năm 2027

(7) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp.

(8) Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận.

(9) Tiếp nhận, triển khai hệ thống thông tin bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

2.5. Công tác nghiệp vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được thực hiện trên môi trường số để nắm bắt tình hình nhân dân; hỗ trợ công tác giám sát; đánh giá sự hài lòng của người dân; hỗ trợ các hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội; tăng cường tương tác, nâng cao hiệu quả hoạt động tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tạo đồng thuận xã hội; tăng cường giám sát, phản biện xã hội;...

2.6. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

a) Đến hết năm 2025

(1) Từ 80% trở lên cán bộ, công chức cơ quan đảng cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

(2) 100% cán bộ, công chức cơ quan đảng cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

(3) 80% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

b) Đến hết năm 2030

(4) 100% cán bộ, công chức cơ quan đảng cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

(5) 100% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác chuyển đổi số; đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên môi trường số; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Các cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, trọng tâm là Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp về sự cần thiết, tính cấp thiết, tầm quan trọng của công tác chuyển đổi số, từng bước xây dựng văn hóa làm việc trên môi trường số của các cơ quan đảng. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan đảng.

- Các cơ quan, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tuyên truyền trên môi trường số thông suốt, hiệu quả; triển khai tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ "truyền thống" sang không gian số dựa trên dữ liệu số.

- Người đứng đầu các cơ quan đảng tạo điều kiện và cho phép thử nghiệm, thí điểm sản phẩm mới; hoạt động chuyển đổi số mới. Triển khai các giải pháp truyền thông hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tiếp cận, sử dụng các hệ thống nghiệp vụ trên môi trường số.

3.2. Triển khai, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, hệ thống văn bản phục vụ chuyển đổi số

- Rà soát, ban hành các văn bản của tỉnh cụ thể hoá các cơ chế, chính sách, quy định của Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số, nhất là tái cấu trúc hoặc đổi mới mô hình, quy trình hoạt động nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan đảng, cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng, giữa cơ quan đảng với cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo Kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng và các quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số tại các cơ quan đảng, phù hợp với chỉ đạo của Trung ương.

- Rà soát, xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về gửi, nhận, xử lý văn bản trong các cơ quan đảng trên môi trường số, tiến tới mô hình văn phòng không giấy. Thực hiện bộ thủ tục hành chính của các cơ quan đảng (bao gồm cả liên thông), bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở, đơn giản hoá thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, tra cứu.

- Thực hiện bộ tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ chuẩn hoá trong toàn hệ thống các cơ quan đảng về: Hạ tầng phần cứng, phần mềm; an ninh, bảo mật; an ninh, toàn vẹn dữ liệu.

- Thực hiện quy định về các chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn xây dựng, quản lý, trao đổi nghiệp vụ, thông tin, dữ liệu nội bộ giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Trên cơ sở quy định của Trung ương, kiện toàn tổ chức và nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan đảng; thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

3.3. Phát triển hạ tầng số

- Đầu tư, nâng cấp các hạ tầng công nghệ thông tin (hệ thống sao lưu, lưu trữ dữ liệu, phần mềm chuyển đổi giọng nói sang văn bản phục vụ hội nghị cấp ủy các cấp,...) hiện đại, đồng bộ để triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ cho các cơ quan đảng một cách hiệu quả.

- Bảo đảm hạ tầng kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan đảng từ tỉnh tới cấp xã, phường với băng thông rộng, tốc độ cao đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp nhận, triển khai hạ tầng kết nối mạng Internet có kiểm soát.

- Đầu tư, mở rộng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật mạng máy tính của từng cơ quan đảng bảo đảm hệ thống mạng thông suốt, ổn định, an toàn; trang cấp đầy đủ, kịp thời các thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan đảng.

3.4. Tiếp nhận, triển khai các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số dùng chung

a. Nền tảng số, ứng dụng số dùng chung

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số để đổi mới công tác phục vụ hội nghị Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, đại hội đảng các cấp như: Quản lý đại biểu; theo dõi tiến độ và kết quả đại hội đảng các cấp; tiếp nhận ý kiến góp ý của nhân dân vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng sử dụng VNeID; các ứng dụng khác theo yêu cầu của các cơ quan tham mưu, phục vụ Đại hội Đảng.

- Tiếp nhận, triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của các cơ quan đảng nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn khác nhau; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tìm kiếm thông tin và trợ lý ảo đối với các lĩnh vực chính của công tác đảng.

- Tiếp nhận, triển khai nền tảng định danh và xác thực điện tử tập trung trong các cơ quan đảng trên cơ sở dữ liệu người dùng tập trung, có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nền tảng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an.

- Tiếp nhận, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp trên cơ sở thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan đảng.

- Tiếp nhận, triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trên nền tảng họp trực tuyến, nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số.

- Tiếp nhận, triển khai hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng, bảo đảm quản lý thống nhất trong các cơ quan đảng trên môi trường số, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống tài chính, tài sản của các bộ, ngành, cơ quan liên quan.

- Tiếp nhận, triển khai đồng bộ, thống nhất các ứng dụng số dùng chung cho toàn bộ các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở, hướng đến văn phòng số không giấy tờ, làm việc trên môi trường số như: Quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp; sổ tay đảng viên điện tử; thi đua khen thưởng; quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh; quản lý báo cáo lãnh đạo chủ chốt hằng tháng; quản lý chương trình làm việc của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ; quản lý hồ sơ công việc; quản lý lịch công tác; thư viện điện tử; Số hoá và quản lý số hoá; trợ lý ảo ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn; hệ thống đào tạo trực tuyến; các ứng dụng số phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số phù hợp với định hướng triển khai trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ cho các thiết bị di động thông minh, truy cập khai thác qua một Cổng thông tin.

- Tiếp nhận, triển khai hệ thống thông tin giám sát, đánh giá, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW do Trung ương chuyển giao.

b. Dữ liệu số dùng chung

- Cập nhật dữ liệu lên Kho dữ liệu tập trung dùng chung phục vụ phân tích, xử lý, cung cấp, phân phối dữ liệu.

- Rà soát, đánh giá, làm sạch dữ liệu đã số hoá và đưa vào sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan đảng; từng bước kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia, các cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thu thập thông tin, dữ liệu về kho dữ liệu dùng chung và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động và công tác chuyên môn.

- Tổ chức số hoá dữ liệu của các cơ quan đảng; chuẩn hoá các dữ liệu đã được số hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu số.

- Phối hợp xây dựng các danh mục dữ liệu: Các cơ sở đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các chức vụ, chức danh trong Đảng, danh mục tài liệu và các danh mục khác theo chỉ đạo của Văn phòng Trung ương.

- Tiếp nhận, triển khai các cơ sở dữ liệu, danh mục dùng chung phục vụ việc tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các ứng dụng như: Dữ liệu người dùng tập trung, cơ sở dữ liệu mã định danh các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở dữ liệu tài liệu số hoá; các danh mục dùng chung khác.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm điều hành thông tin (IOC) của tỉnh và xây dựng các dashboard (bảng điều khiển) chuyên biệt phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

3.5. Chuyển đổi số trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng

- Hoạt động chuyển đổi số trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng được thực hiện tập trung, đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Các cơ quan, tổ chức đảng và đảng viên khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định.

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng để phục vụ công tác tổ chức, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ; trong đó, tập trung phát triển, triển khai cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị.

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ban, ngành, địa phương có liên quan...

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận phục vụ công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; các chủ trương, đường lối của Đảng về lĩnh vực tuyên giáo; trong đó, tập trung tuyên truyền, lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lịch sử Đảng, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, thông tin đối ngoại, khoa học, công nghệ, môi trường, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia đình, trẻ em; đổi mới công tác tham mưu các chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận; tập trung phát triển, triển khai cơ sở dữ liệu theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân)...

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp phục vụ triển khai các hoạt động thu thập, tổng hợp dữ liệu, báo cáo thống kê; tái cấu trúc nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; trong đó, tập trung công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo...

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu lĩnh vực đối ngoại; trong đó, tập trung ứng dụng công nghệ số nhằm tăng cường giao tiếp với các cơ quan đối ngoại trong và ngoài Đảng...

- Tiếp nhận, triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu lĩnh vực công tác văn phòng để đổi mới công tác tham mưu, tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm là "trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo"; trong đó, tập trung chuyển đổi số trong công tác phục vụ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực cấp uỷ các cấp.

- Tiếp nhận, triển khai các hệ thống thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị.

- Tiếp nhận, triển khai hệ thống thông tin bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ.

- Phát triển các phần mềm, hệ thống thông tin đặc thù trong các cơ quan đảng tỉnh.

3.6. Chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiếp nhận, triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có khả năng kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin của Đảng, bộ, ngành có liên quan. Cụ thể gồm: (1) Cơ sở dữ liệu từ Trung ương đến địa phương về: Tình hình nhân dân; các phong trào, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; công tác giám sát; công tác phản biện xã hội. (2) Cơ sở dữ liệu về: Người Việt Nam ở nước ngoài; người uy tín, tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; chức sắc tôn giáo; cốt cán tôn giáo phong trào.

- Số hoá các công việc nội bộ, số hoá tài liệu lưu trữ lĩnh vực chuyên môn, tài liệu lưu trữ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3.7. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Tổ chức đánh giá, xây dựng, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an

toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, công cụ bảo mật, dịch vụ hệ thống, xác thực đa lớp,... để bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trên môi trường số.

- Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ và các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và ứng cứu, xử lý sự cố an ninh mạng.

- Tiếp nhận, triển khai hạ tầng mạng di động dùng riêng có bảo mật và triển khai các giải pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống mạng di động.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hoá và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số ở các cấp.

- Định kỳ hằng năm, các cơ quan đảng thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng máy tính, các trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng, thực hiện rà soát, kiểm tra an ninh, an toàn thông tin các trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm trước khi đưa vào sử dụng; thực hiện tiêu huỷ các thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử khi hỏng hoặc không còn nhu cầu sử dụng.

- Tăng cường năng lực phòng thủ và phục hồi sau sự cố an ninh mạng: (1) Triển khai quy chế, quy trình ứng phó sự cố an ninh mạng theo chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương và Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh. (2) Xây dựng, triển khai các giải pháp đồng bộ, hiện đại về sao lưu và phục hồi dữ liệu. (3) Phối hợp tổ chức diễn tập về an toàn thông tin theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh và hướng dẫn của Công an tỉnh. (4) Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin.

3.8. Phát triển nguồn nhân lực về chuyển đổi số

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan đảng bảo đảm có đủ số lượng, chất lượng nhân lực cho công tác tham mưu về chuyển đổi số, triển khai, bảo đảm kỹ thuật và an toàn, an ninh thông tin.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về ưu đãi nhân tài, tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ, vận hành, quản trị các hệ thống thông tin.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ lãnh đạo quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hằng năm đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin các kỹ năng, kiến thức về công nghệ số, an toàn thông tin, quản lý, vận hành hệ thống và các lĩnh vực chuyên môn.

3.9. Giải pháp về tài chính

- Bố trí ngân sách đầy đủ, kịp thời và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai những nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch bảo đảm tiến độ, chất lượng.

- Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho việc đầu tư, nâng cấp đồng bộ trong các cơ quan, tổ chức đảng từ cấp tỉnh đến cấp xã về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; trang bị, bổ sung, nâng cấp, thay thế trang thiết bị đầu cuối; hệ điều hành, phần mềm bản quyền cho thiết bị đầu cuối; các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin; thuê đường truyền và các dịch vụ phù hợp; phát triển phần mềm đặc thù; số hoá tài liệu, thông tin, dữ liệu; bảo hành, bảo trì, kiểm tra an toàn, an ninh thông tin; các nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, tổ chức đảng ở địa phương.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp để thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức theo chỉ đạo của Trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Kinh phí thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch dự kiến: 57.434 triệu đồng

Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Trong đó:

Kinh phí đầu tư: 19.474 triệu đồng

Thời gian thực hiện: 2026-2028.

Kinh phí thường xuyên: 37.960 triệu đồng

Thời gian thực hiện: 2025-2030.

(Có dự kiến lộ trình triển khai các nhiệm vụ chủ yếu Kế hoạch tại các Phụ lục kèm theo).

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh

- Tham mưu Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Chỉ đạo, đôn đốc, điều hoà phối hợp, kiểm tra, giám sát các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền cụ thể hóa, ban hành những chính sách theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm cung cấp, trao đổi, làm rõ thông tin liên quan đến nhiệm vụ được giao.

- Căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; phê bình, yêu cầu xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân có vi phạm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Trách nhiệm của các cơ quan đảng

Các cơ quan đảng tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt Đề án của Ban Bí thư về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh tới cán bộ, đảng viên; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch bảo đảm hiệu quả, thiết thực **(hoàn thành trong tháng 4/2025)**; định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và hằng năm báo cáo Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả triển khai thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo chỉ đạo của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hướng dẫn của Văn phòng Tỉnh ủy.

2.1. Văn phòng Tỉnh ủy

- Chủ trì, tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch hàng năm của Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch; chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng; phối hợp với các cơ quan, đơn vị đề xuất biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai chuyển đổi số; phối hợp tham mưu xử lý theo quy định đối với tập thể, cá nhân có vi phạm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn phòng Cơ yếu - CNTT thành phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự đáp ứng yêu cầu tham mưu chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Chủ trì thực hiện tiếp nhận, đầu tư, triển khai hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số dùng chung và trang thiết bị công nghệ thông tin cho người dùng thuộc các cơ quan đảng tỉnh.

- Tổ chức xây dựng, triển khai các quy định, quy chế, hướng dẫn liên quan đến quản lý vận hành, triển khai hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các nghiệp vụ trên môi trường số; rà soát, tham mưu ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật, thực hiện giám sát và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng; cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan đảng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng, triển khai các ứng dụng nghiệp vụ công tác Văn phòng.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm tham mưu, tổng hợp báo cáo của Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng gửi Ban Chỉ đạo Trung ương về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

2.2. Các ban đảng, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì lập kế hoạch xây dựng và ban hành các văn bản quy định quản lý, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị đề xuất; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, xây

dựng phần mềm ứng dụng chuyên ngành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; ban hành quy trình nghiệp vụ của lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ cơ quan mình đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy tiếp nhận, triển khai, hướng dẫn, đào tạo, tập huấn sử dụng, bảo vệ dữ liệu các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị do các cơ quan Đảng Trung ương chuyển giao; liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật dữ liệu trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị.

- Bảo đảm nhân lực để thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Tham mưu Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết, đề án của Trung ương về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ, lãnh đạo quản lý, người đứng đầu về sự cần thiết, tính cấp thiết và vai trò của chuyển đổi số.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy kiện toàn phòng Cơ yếu - CNTT thành phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu; phối hợp với các cơ quan đảng tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiện toàn tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan đảng.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Tham mưu Tỉnh ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Đề án.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong Đảng bộ; lãnh đạo UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; chỉ đạo rà soát, xây dựng, hoàn thiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chuyển đổi số; chỉ đạo liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước với các cơ quan đảng; chỉ đạo cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm do tỉnh đầu tư, nâng cấp trước khi đưa vào sử dụng.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh và chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương, xây dựng kế hoạch, xác định các nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị (*hoàn thành trong tháng*

4/2025) và tổ chức triển khai thực hiện; tổ chức kết nối, chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (b/c),
- Văn phòng TW Đảng,
- Các ban đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- MTTQ, các đoàn thể CT-XH tỉnh,
- BCĐ của tỉnh thực hiện Nghị quyết 57,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Vũ Mạnh Hà